

Số: /BC-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2020

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính và giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong Quý I năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định

Kính gửi: Văn phòng Chính phủ

Thực hiện Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính và giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong Quý I năm 2020 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Công tác kiểm soát thủ tục hành chính gắn với việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tiếp tục được Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm chỉ đạo ngay từ đầu năm, bám sát vào các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao và đảm bảo theo yêu cầu của Văn phòng Chính phủ. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định (tại Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 20/02/2020)¹.

2. Hoạt động giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã được quan tâm, chỉ đạo sâu sát, quyết liệt² và có nhiều chuyển biến tích cực. Hầu hết các cơ quan, đơn vị, địa phương đã nghiêm túc sử dụng Phần mềm Một cửa điện tử để thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính theo quy định. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã tổ chức thí điểm và chính thức không sử dụng Phiếu kiểm soát (bản giấy) trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính kể từ ngày 17/3/2020 theo đúng quy định tại

¹Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện: Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, Ban Dân tộc; BHXH tỉnh, Công an tỉnh, UBND thành phố Quy Nhơn, UBND huyện Tây Sơn, UBND huyện Tuy Phước, UBND huyện Phù Mỹ, UBND huyện Vĩnh Thạnh.

² Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 1500/UBND-KSTT ngày 12/3/2020 yêu cầu một số UBND cấp huyện, cấp xã chấn chỉnh việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trễ hẹn và thực hiện nghiêm túc việc sử dụng Phần mềm Một cửa điện tử trong công tác giải quyết thủ tục hành chính. UBND các huyện Vĩnh Thạnh, Phù Cát và thị xã An Nhơn đã kịp thời có văn bản chỉ đạo chấn chỉnh các phòng, ban chuyên môn và UBND cấp xã theo phạm vi thẩm quyền.

Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 1254/UBND-KSTT ngày 04/3/2020 chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường công tác thông tin tuyên truyền việc sử dụng dịch vụ bưu chính công ích nhằm góp phần góp phần thực hiện phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh.

4. Thực hiện Công văn số 1471/VPCP-KSTT ngày 26/2/2020 của Văn phòng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định 987/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 bổ sung Danh mục 11 thủ tục hành chính thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và Quyết định 988/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 ban hành Danh mục 16 thủ tục hành chính thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Bình Định được tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

5. Thực hiện Công văn số 1007/VPCP-KSTT ngày 11/02/2020 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 787/UBND-KSTT ngày 14/02/2020 chỉ đạo các sở, ban, ngành khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến việc tham mưu, ban hành quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh và xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, kết nối liên thông với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 12/3/2019 của Chính phủ.

II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Đánh giá tác động thủ tục hành chính và thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính

Trong Quý I năm 2020, không có Dự án, Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính, do đó không thực hiện đánh giá tác động thủ tục hành chính.

2. Thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính

Trong Quý I năm 2020, không có Dự án, Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính, do đó không có hoạt động thẩm định.

3. Công bố, công khai thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính

a) Trong Quý I năm 2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 19 quyết định công bố Danh mục thủ tục hành chính với 267 thủ tục hành chính (trong đó: ban hành mới 12 thủ tục hành chính; sửa đổi, bổ sung 188 thủ tục hành chính; thay thế 8 thủ tục hành chính; bãi bỏ 59 thủ tục hành chính) thuộc phạm vi, thẩm quyền giải quyết của 3 cấp trên địa bàn tỉnh (cấp tỉnh 224 thủ tục hành chính, cấp huyện 31 thủ tục hành chính và cấp xã 12 thủ tục hành chính); đồng thời, đã thực hiện việc tích hợp dữ liệu và nhập sửa đổi, bổ sung thông tin

các thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo quy định.

(Biểu số 03b/VPCP/KSTT tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này)

b) Trong Quý I năm 2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 31 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết 444 thủ tục hành chính; trong đó, cấp tỉnh: 348 thủ tục hành chính, cấp huyện: 59 thủ tục hành chính, cấp xã: 37 thủ tục hành chính để làm cơ sở cho việc thiết lập quy trình điện tử trên Hệ thống phần mềm một cửa điện tử của tỉnh theo quy định.

4. Tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

a) Thực hiện Quyết định số 2830/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông giữa cơ quan Nhà nước và Công ty Điện lực Bình Định trong giải quyết các thủ tục cấp điện qua lưới trung áp trên địa bàn tỉnh, từ ngày 15/12/2019 đến ngày 14/3/2020, Công ty Điện lực Bình Định đã thực hiện cấp điện qua lưới trung áp đối với 59 công trình trạm biến áp do khách hàng đầu tư; trong đó, thời gian giải quyết các thủ tục của ngành điện đảm bảo theo quy định, chậm nhất 03 ngày/công trình và nhanh nhất 01 ngày/công trình.

b) Theo số liệu thống kê trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh trong Quý I năm 2020, tổng số hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh là 53.876 hồ sơ. Tổng số hồ sơ đã giải quyết là 46.169 hồ sơ; trong đó 42.918 hồ sơ giải quyết trước hạn, đúng hạn và 3.251 hồ sơ giải quyết quá hạn (cấp tỉnh là 191 hồ sơ, cấp huyện là 1.122 hồ sơ và cấp xã là 1.938 hồ sơ). Trên thực tế, có nhiều hồ sơ thủ tục hành chính của cấp huyện, cấp xã mặc dù đã được hoàn thành nhưng các đơn vị địa phương chưa kịp thời thao tác, cập nhật trên Phần mềm Một cửa điện tử dẫn đến thông tin hiển thị công khai về hồ sơ thủ tục hành chính trễ hẹn với số lượng lớn trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

Trong tổng số hồ sơ phát sinh nêu trên, có 8.006 hồ sơ được tiếp nhận qua dịch vụ công trực tuyến và 4.832 hồ sơ được tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích.

(Biểu số 06đ/VPCP/KSTT, Biểu số 06g/VPCP/KSTT tại Phụ lục kèm theo Báo cáo)

5. Tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về thủ tục hành chính

Trong Quý I năm 2020, đã tiếp nhận 06 phản ánh, kiến nghị của tổ chức và công dân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; đã chuyển đến các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý và trả lời 04 phản ánh, kiến nghị. Còn 02 phản ánh, kiến nghị đã quá thời hạn quy định nhưng chưa được các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, trả lời; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 1839/UBND-KSTT ngày 25/3/2020 yêu cầu Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hoài Nhơn khẩn trương xem xét, trả lời cho công dân trước ngày 30/3/2020.

(Biểu số 05b/VPCP/KSTT tại Phụ lục kèm theo Báo cáo)

6. Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2020 trên địa bàn tỉnh (tại Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 30/01/2020) đối với 64 thủ tục hành chính thuộc chức năng giải quyết của 11 cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, trên các lĩnh vực: quản lý giá và công sản; hoạt động khoa học và công nghệ; giáo dục nghề nghiệp; văn hóa cơ sở, di sản văn hóa; lâm nghiệp, bảo vệ thực vật; lưu trú, lữ hành; an toàn thực phẩm, vật liệu nổ công nghiệp, kinh doanh khí, thương mại quốc tế; khám bệnh, chữa bệnh và dược phẩm; đất đai, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước; thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, đầu tư; giáo dục và đào tạo.

(Biểu số 04b/VPCP/KSTT tại Phụ lục kèm theo Báo cáo)

7. Công tác truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành ban hành Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính tỉnh năm 2020 (tại Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 16/3/2020) chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh tuyên truyền về lợi ích thiết thực (tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại, chi phí giấy tờ) của việc nộp hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và nộp hồ sơ thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích để khuyến khích người dân, doanh nghiệp thực hiện; thông qua việc kết hợp tuyên truyền trên các phương tiện thông tin truyền thống với việc tận dụng, tranh thủ mặt tích cực, nhạy bén của mạng xã hội (Zalo, Facebook) để đổi mới hình thức tuyên truyền.

Trong quý I năm 2020, các cơ quan, đơn vị, địa phương và phương tiện truyền thông trên địa bàn tỉnh thường xuyên có tin, bài, phóng sự liên quan đến hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Bình Định đã phát phóng sự và đưa tin tuyên truyền về việc nộp hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh; đẩy mạnh việc ứng dụng ký số văn bản điện tử và gửi/nhận văn bản điện tử trên hệ thống văn phòng điện tử liên thông và trực liên thông văn bản quốc gia, xử lý văn bản trên môi trường điện tử.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Quán triệt nghiêm túc các ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh và Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đã có nhiều nỗ lực cố gắng, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành để triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính và giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; chất lượng của công tác giải quyết thủ tục hành chính bước đầu đã được kiểm soát ngay từ khâu công bố danh mục thủ tục hành

chính cho đến khâu giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính, đảm bảo thống nhất, đồng bộ và đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Công tác xây dựng Phần mềm Một cửa điện tử cấp huyện, cấp xã được triển khai thống nhất, đồng bộ; hệ thống Phần mềm Một cửa điện tử được vận hành thông suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí trong công tác giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Việc quản lý danh mục dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và danh mục dịch vụ công tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia được triển khai bàn bản, thống nhất, đồng bộ thể hiện qua các quyết định công bố danh mục dịch vụ công, làm cơ sở pháp lý cho các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện.

- Công tác xây dựng hoàn thiện Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia được khẩn trương thực hiện theo đúng yêu cầu của Văn phòng Chính phủ; đảm bảo kết nối liên thông với Hệ thống thông tin một cửa điện tử để hiển thị công khai tình hình giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và Cổng Dịch vụ công quốc gia theo quy định.

- Chất lượng công tác tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh ngày càng được nâng cao, đem lại sự hài lòng cho tổ chức và công dân khi đến Trung tâm liên hệ giải quyết hồ sơ công việc. Trong 3 tháng đầu năm 2020, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đúng hạn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đạt tỷ lệ trên 99%.

- Hoạt động của Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh có sự chuyển biến rõ nét, nhất là đối với việc ứng dụng Phần mềm Một cửa điện tử để thực hiện việc gửi, nhận hồ sơ thủ tục hành chính liên thông trên môi trường điện tử, góp phần tiết kiệm chi phí quản lý hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương và đáp ứng yêu cầu công khai, minh bạch theo quy định.

2. Tồn tại, hạn chế

- Qua so sánh tương quan số lượng hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận trên Phần mềm Một cửa điện tử giữa các địa phương theo từng cấp hành chính trên địa bàn tỉnh cho thấy: một số Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã vẫn còn tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tiếp tại bộ phận chuyên môn, không thông qua Bộ phận Một cửa và không cập nhật đầy đủ trên Phần mềm Một cửa điện tử theo đúng quy định. Đáng chú ý, mặc dù đã được quan tâm, đầu tư hoàn thiện Phần mềm Một cửa điện tử nhưng nhiều địa phương cấp xã không sử dụng để thực hiện quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

- Vẫn còn tình trạng hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết quá thời gian so với quy định, nhất là tại các địa phương cấp huyện, cấp xã, nhưng chưa thực hiện đầy đủ việc xin lỗi người dân, tổ chức theo quy định.

- Hiệu quả của công tác kiểm soát thủ tục hành chính gắn với giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại một số địa phương cấp huyện mặc dù bước đầu đã có sự chuyển biến nhưng chưa đáp ứng mục tiêu, yêu cầu quản lý; việc vận hành Bộ phận Một cửa một số địa phương cấp huyện và hầu hết địa phương cấp xã chưa phát huy được hiệu quả quản lý theo các quy định của pháp luật hiện hành do chưa có sự tham gia của cán bộ đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính.

- Việc các phần mềm chuyên ngành Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư triển khai để quản lý hồ sơ thủ tục hành chính chưa được tích hợp, liên thông chia sẻ dữ liệu với Phần mềm Một cửa điện tử của tỉnh tiếp tục gây khó khăn, bất cập trong công tác quản lý hồ sơ thủ tục hành chính thuộc phạm vi giải quyết của Sở Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Vẫn còn một vài cơ quan, đơn vị, địa phương chưa nghiêm túc thực hiện quy định chế độ thông tin, báo cáo trong công tác kiểm soát thủ tục hành chính. Tính đến ngày 24/3/2020, có 01/6 cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh, 01/20 sở, ban, ngành 01/11 đơn vị địa phương cấp huyện chưa thực hiện chế độ báo cáo Quý I năm 2020 theo quy định. Một số cơ quan, đơn vị tuy đã thực hiện việc báo cáo kịp thời, nhưng chưa quan tâm, đầu tư đúng mức, chất lượng còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu trong tổng hợp, phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo).

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ QUÝ II NĂM 2020

1. Tiếp tục quan tâm, chỉ đạo quyết liệt gắn với việc siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với kết quả thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính gắn với giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, với mục tiêu là ngày càng nâng cao mức độ hài lòng của tổ chức và công dân đối với chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh (ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh) để bổ sung nhiệm vụ quản lý, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh đảm bảo theo quy định tại Khoản 3, Điều 36 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ

3. Thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2020, tập trung cắt giảm mạnh thời gian giải quyết thủ tục hành chính có liên quan trực tiếp đến người dân và doanh nghiệp.

4. Tiến hành kiểm tra công tác giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại một số Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; nhất là kiểm tra việc vận hành, sử dụng Phần mềm Một cửa điện tử để thực hiện quy trình giải quyết thủ tục hành chính.

5. Tiếp tục rà soát, địa phương hóa thủ tục hành chính và công khai thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; phối hợp với Trung tâm Tin

học – Công báo, VNPT Bình Định tích hợp, đồng bộ dữ liệu thủ tục hành chính của tỉnh trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính với cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và kết nối với cổng Dịch vụ công quốc gia. Mở rộng danh mục thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của tỉnh và danh mục dịch vụ công trực tuyến được tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

6. Tiếp tục theo dõi, đôn đốc và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp thông qua Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Kính đề nghị Văn phòng Chính phủ kiến nghị Ủy ban Dân tộc xem xét, bãi bỏ thủ tục “Xác định đối tượng thụ hưởng chính sách theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn” vì theo Thông tư 02/2019/TT-UBND (có hiệu lực kể từ ngày 20/01/2020) đã bãi bỏ Thông tư liên tịch số 04/2013/TTLT-UBND-BTC-BTNMT ngày 18/11/2013 của liên Bộ: Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, đặc biệt khó khăn có quy định thủ tục hành chính này.

Trên đây là tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính và giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong Quý I và phương hướng nhiệm vụ Quý II năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định trân trọng báo cáo Văn phòng Chính phủ tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- LĐVP UBND tỉnh;
- VNPT Bình Định;
- Bưu điện tỉnh;
- TT PVHCC, TT TH-CB;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Cao Thắng

Phụ lục
Danh sách các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chế độ báo cáo
tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính Quý I năm 2020
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2020 của UBND tỉnh)

Ghi chú:

Chế độ báo cáo được quy định cụ thể tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ và Công văn số 901/UBND-KSTT ngày 28/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện báo cáo tình hình, kết quả hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính định kỳ, cụ thể như sau:

- Thời hạn đánh giá việc thực hiện chế độ báo cáo Quý I năm 2020 là **“Đúng hạn”**: Báo cáo được gửi trước ngày 20/3/2020 theo quy định nêu trên;

- Thời hạn đánh giá việc thực hiện báo cáo Quý I năm 2020 là **“Trễ hạn”**: Báo cáo được nhận trong khoảng thời gian sau ngày 20/3/2020 đến ngày 24/3/2020 (thời điểm Văn phòng UBND tỉnh trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký báo cáo gửi Văn phòng Chính phủ theo quy định);

- Thời hạn đánh giá các cơ quan, đơn vị **“KHÔNG thực hiện báo cáo”**: Báo cáo được gửi sau ngày 24/3/2020.

(Việc xác định thời gian nhận được báo cáo là thời điểm bộ phận Văn thư của Văn phòng UBND tỉnh nhận được Báo cáo bằng văn bản điện tử hoặc Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính, Văn phòng UBND tỉnh nhận được Báo cáo đã được Lãnh đạo cơ quan, đơn vị ký duyệt tại địa chỉ email kstt@vpub.binhding.gov.vn)

STT	Cơ quan, đơn vị	Đã thực hiện báo cáo				KHÔNG thực hiện báo cáo	GHI CHÚ (Ngày nhận được Báo cáo)
		Bằng văn bản	Gửi Email	Đúng hạn	Trễ hạn		
I. CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG (6 CƠ QUAN)							
1	Cục Hải quan tỉnh	51/BC-HQBD ngày 17/3/2020	X	X			17/3/2020
2	Bảo hiểm xã hội tỉnh	333/BC-BHXXH ngày 19/03/2020	X	X			20/3/2020
3	Cục thuế tỉnh					X	Công văn số 524/CT-VP ngày 24/3/2019 của Cục Thuế tỉnh không đáp ứng yêu cầu nội dung báo cáo theo quy định.

STT	Cơ quan, đơn vị	Đã thực hiện báo cáo				KHÔNG thực hiện báo cáo	GHI CHÚ (Ngày nhận được Báo cáo)
		Bảng văn bản	Gửi Email	Đúng hạn	Trễ hạn		
4	Ngân hàng nhà nước tỉnh	172/BC-BIĐ2 ngày 09/3/2020		X			15/3/2020
5	Kho bạc nhà nước tỉnh	995/BC-KBBĐ ngày 18/03/2020		X			21/3/2020
6	Công an tỉnh	546/BC-CAT-PV01 ngày 19/03/2020		X			21/3/2020
II. CÁC SỞ, BAN, NGÀNH THUỘC TỈNH (21 CƠ QUAN)							
7	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Báo cáo 29/BC-SNN ngày 11/3/2020	X	X			12/3/2020
8	Sở Ngoại vụ	Báo cáo số 203/BC-SNgV ngày 23/3/2020	X		X		23/3/2020
9	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Báo cáo số 142/BC-SKHĐT ngày 18/3/2020	X	X			19/3/2020
10	Sở Xây dựng	Báo cáo số 24/BC-SXD ngày 20/3/2020	X	X			21/3/2020
11	Sở Văn hóa, Thể thao	Báo cáo số 289/BC-SVHTT ngày 17/3/2020	X	X			18/3/2020
12	Sở Du lịch	Báo cáo số 131/BC-SDL ngày 18/3/2020	X	X			19/3/2020
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	Báo cáo số 462/BC-SGDĐT ngày 18/3/2020	X	X			19/3/2020
14	Sở Thông tin và truyền thông	Báo cáo số 22/BC-STTTT ngày 19/03/2020	X	X			19/3/2020
15	Sở Y tế	Báo cáo số 84/BC-SYT ngày 23/3/2020	X		X		23/3/2020
16	Sở Giao thông vận tải	Báo cáo số 16/BC-SGTVT ngày 16/3/2020	X	X			17/3/2020

STT	Cơ quan, đơn vị	Đã thực hiện báo cáo				KHÔNG thực hiện báo cáo	GHI CHÚ (Ngày nhận được Báo cáo)
		Bằng văn bản	Gửi Email	Đúng hạn	Trễ hạn		
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	Báo cáo số 46/BC-STNMT ngày 19/03/2020	X	X			19/3/2020
18	Sở Công Thương	Báo cáo số 32/BC-SCT ngày 20/3/2020	X	X			20/3/2020
19	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo số 27/BC-SKHCN ngày 12/3/2020	X	X			13/3/2020
20	Sở Tư pháp	Báo cáo số 40/BC-STP ngày 18/3/2020	X	X			19/3/2020
21	Sở Tài Chính	Báo cáo số 63/BC-STC ngày 11/3/2020	X	X			12/3/2020
22	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Báo cáo 572/BC-SLĐTBXH ngày 10/3/2020	X	X			11/3/2020
23	Thanh tra tỉnh	Báo cáo số 148/BC-TTT ngày 18/3/2020	X	X			19/3/2020
24	Ban Dân tộc	Báo cáo số 153/BC-BDT ngày 19/3/2020	X	X			19/3/2020
25	Sở Nội vụ	Báo cáo số 17/BC-SNV ngày 25/3/2020			X		25/3/2020
26	Ban quản lý khu kinh tế tỉnh	Báo cáo số 38/BC-BQL ngày 20/3/2020	X		X		23/3/2020
III. UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ (11 ĐƠN VỊ)							
28	Hoài Ân	Báo cáo số 27/BC-UBND ngày 19/03/2020	X	X			20/3/2020
29	Phù Cát					X	

STT	Cơ quan, đơn vị	Đã thực hiện báo cáo				KHÔNG thực hiện báo cáo	GHI CHÚ (Ngày nhận được Báo cáo)
		Bảng văn bản	Gửi Email	Đúng hạn	Trễ hạn		
30	Vân Canh	Báo cáo số 33/BC-UBND ngày 20/03/2020	X	X			20/3/2020
31	Hoài Nhơn		X	X			
32	Phù Mỹ	Báo cáo số 37/BC-UBND ngày 25/3/2020	X		X		25/3/2020
33	An Lão	Báo cáo số 90/BC-UBND ngày 20/3/2020	X	X			23/3/2020
34	Tuy Phước	Báo cáo số 55/BC-UBND ngày 20/3/2020	X	X			21/3/2020
35	Vĩnh Thạnh	Báo cáo số 50/BC-UBND ngày 17/3/2020	X	X			18/3/2020
36	Tây Sơn	Báo cáo số 37/BC-UBND ngày 19/03/2020	X	X			20/3/2020
37	Thị xã An Nhơn	Báo cáo số 49/BC-UBND ngày 19/03/2020	X	X			20/3/2020
38	Thành phố Quy Nhơn	Báo cáo số 98/BC-UBND ngày 18/3/2020	X	X			19/3/2020
TỔNG SỐ:							
38		33	32	31	5	2	
		36					

/BC-UBND ngày tháng năm 2020 của UBND tỉnh Bình Định)

Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTTHC)

[illegible]

Biểu số 02c/VPCP/KSTT

Ban hành theo Thông tư số

02./2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VỀ TTHC QUY ĐỊNH
TRONG CÁC DỰ ÁN/ DỰ THẢO VBQPPL TẠI****ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Quý I năm 2020

(Từ ngày 16/12/2019 đến ngày 15/3/2020)

Đơn vị báo cáo:

UBND tỉnh Bình Định

Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC)

Đơn vị tính: TTHC, văn bản

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng số		Phân loại theo tên VBQPPL			
				Dự thảo Quyết định của UBND		Dự thảo Nghị quyết của HĐND	
		Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL
	A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng số	0	0	0	0	0	0

Biểu số 04b/VPCP/KSTTBan hành theo Thông tư số
02/2017/TT-VPCP ngày 31/10//2017**KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI ĐỊA PHƯƠNG**Kỳ báo cáo: Quý I năm 2020
(Từ ngày 16/12/2019 đến ngày 15/3/2020)Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh Bình Định**Đơn vị nhận báo cáo:**

Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC)

Đơn vị tính: TTHC/nhóm TTHC, văn bản

STT	Tên TTHC hoặc tên nhóm TTHC trong Kế hoạch rà soát	Phương án rà soát thuộc thẩm quyền thực thi					Phương án rà soát đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền thực thi					Tỷ lệ chi phí tiết kiệm được Số TTHC
		Số lượng VBQPPL được rà soát	Số TTHC			Số lượng VBQPPL được rà soát	Số lượng VBQPPL được rà soát					
			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra				
				Số TTHC sửa đổi	Số TTHC quy định mới			Số TTHC cắt giảm	Số TTHC sửa đổi	Số TTHC quy định mới	Số TTHC cắt giảm	
	A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Thực hiện theo Kế hoạch rà soát của UBND cấp tỉnh						28	64	64	0	0	
I	Sở Tài chính						1	2	2	0	0	
1	Lĩnh vực Quản lý giá và công sản						1	2	2	0	0	
II	Sở Khoa học và Công nghệ						1	2	2	0	0	
1	Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ						1	2	2	0	0	
III	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội						1	2	2	0	0	
1	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp						1	2	2	0	0	
IV	Sở Văn hóa và Thể thao						2	2	2	0	0	
1	Lĩnh vực Văn hóa cơ sở						1	1	1	0	0	
2	Lĩnh vực Di sản văn hóa						1	1	1	0	0	
V	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn						2	2	2	0	0	

1	Lĩnh vực Lâm nghiệp						1	1	1	0	0	
2	Lĩnh vực Bảo vệ thực vật						1	1	1	0	0	
VI	Sở Du lịch						2	4	4	0	0	
1	Lĩnh vực Lưu trú						1	1	1	0	0	
2	Lĩnh vực Lữ hành						1	3	3	0	0	
VII	Sở Công Thương						4	17	17	0	0	
1	Lĩnh vực An toàn thực phẩm						1	1	1	0	0	
2	Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp						1	1	1	0	0	
3	Lĩnh vực Kinh doanh khí						1	6	6	0	0	
4	Lĩnh vực Thương mại quốc tế						1	9	9	0	0	
VIII	Sở Y tế						6	20	20	0	0	
1	Lĩnh vực Dược phẩm						4	11	11	0	0	
2	Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh						2	9	9	0	0	
IX	Sở Tài nguyên và Môi trường						5	9	9	0	0	
1	Lĩnh vực Đất đai						1	2	2	0	0	
2	Lĩnh vực Khoáng sản						1	4	4	0	0	
3	Lĩnh vực Tài nguyên nước						3	3	3	0	0	
X	Sở Kế hoạch và Đầu tư						2	2	2	0	0	
1	Thành lập và hoạt động của Doanh nghiệp (Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu)						1	1	1	0	0	
2	Lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam						1	1	1	0	0	
XI	Sở Giáo dục và Đào tạo						2	2	2	0	0	
	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo						2	2	2	0	0	
	Tổng cộng						15	29	29	0	0	

Biểu số 05b/VPCP/KSTTBan hành theo Thông tư số
02/2017/TT-VPCP ngày
31/10/2017**KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN
NGHỊ (PAKN) VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH**Kỳ báo cáo: Quý I năm 2020
(Từ ngày 16/12/2019 đến ngày 15/3/2020)**Đơn vị báo cáo:**

UBND tỉnh Bình Định

Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC)

Đơn vị tính: Số phản ánh, kiến nghị

Đơn vị tính: Số phần hành, kiến nghị

Ngành, lĩnh vực có PAKN	Số PAKN về quy định hành chính được tiếp nhận (bao gồm kỳ trước chuyển qua)			Kết quả xử lý PAKN về quy định hành chính								Đăng tải công khai kết quả xử lý
	Tổng số	Chia ra		Tổng số	Đã xử lý				Đang xử lý			
		Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính		Chia theo nội dung PAKN		Chia theo thời điểm tiếp nhận		Tổng số	Chia ra		
					Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	Tiếp nhận mới trong kỳ	Kỳ trước chuyển qua		Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	6	5	1	6	5	1	6	0	0	0	0	4

Biểu số 06đ/VPCP/KSTT/KTTH

Ban hành theo Thông tư số

02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Quý I năm 2020

(Từ ngày 16/12/2019 đến ngày 15/3/2020)

Đơn vị báo cáo:

UBND tỉnh Bình Định

Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC)

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

I. TTHC THUỘC PHẠM VI THẨM QUYỀN CỦA UBND CẤP TỈNH

STT	Cơ quan	Hồ sơ tiếp nhận						Kết quả giải quyết							
		Tổng số hồ sơ tiếp nhận trực tiếp và tiếp nhận qua Hệ thống phần mềm	Trong đó		Phương thức thực hiện			Hồ sơ đã giải quyết				Hồ sơ đang giải quyết			
			Kỳ này	Kỳ trước chuyển sang	Trực tuyến (mức độ 3, 4)	Tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích (kể cả chuyển phát)	Trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích (kể cả phát trả)	Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó	
									Trước hạn	Đúng hạn	Trễ hạn			Trong hạn	Quá hạn
Có xin lỗi	Không xin lỗi														
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Định	123	109	14	41	0	13	104	79	25	0	0	19	19	0
2	Sở Công Thương tỉnh Bình Định	1054	982	72	821	0	11	910	142	768	0	0	144	144	0
3	Sở Du lịch tỉnh Bình Định	49	37	12	37	0	33	47	47	0	0	0	2	2	0
4	Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Định	4026	3509	517	1069	0	2	3414	3413	1	0	0	612	612	0
5	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Định	295	245	50	34	0	0	270	258	1	11	0	25	25	0

STT	Cơ quan	Hồ sơ tiếp nhận						Kết quả giải quyết							
		Tổng số hồ sơ tiếp nhận trực tiếp và tiếp nhận qua Hệ thống phần mềm	Trong đó		Phương thức thực hiện			Hồ sơ đã giải quyết					Hồ sơ đang giải quyết		
			Kỳ này	Kỳ trước chuyển sang	Trực tuyến (mức độ 3, 4)	Tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích (kể cả chuyển phát)	Trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích (kể cả phát trả)	Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó	
									Trước hạn	Đúng hạn	Trễ hạn			Trong hạn	Quá hạn
Có xin lỗi	Không xin lỗi														
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
6	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Định	25	23	2	11	0	20	24	24	0	0	0	1	1	0
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định	840	795	45	359	0	0	782	653	8	121	0	58	15	43
8	Sở Lao Động - Thương Binh và Xã Hội tỉnh Bình Định	1196	997	199	21	0	0	1002	1002	0	0	0	194	194	0
9	Sở Ngoại vụ tỉnh Bình Định	7	5	2	0	0	2	6	6	0	0	0	1	1	0
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định	3499	2891	608	1556	3	45	3355	3328	16	11	0	144	144	0
11	Sở Nội Vụ tỉnh Bình Định	263	245	18	111	0	0	148	146	1	1	0	115	115	0
12	Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Định	37	28	9	28	0	0	34	34	0	0	0	3	3	0
13	Sở Tài chính tỉnh Bình Định	4	4	0	0	0	0	3	3	0	0	0	1	1	0

STT	Cơ quan	Hồ sơ tiếp nhận						Kết quả giải quyết							
		Tổng số hồ sơ tiếp nhận trực tiếp và tiếp nhận qua Hệ thống phần mềm	Trong đó		Phương thức thực hiện			Hồ sơ đã giải quyết					Hồ sơ đang giải quyết		
			Kỳ này	Kỳ trước chuyển sang	Trực tuyến (mức độ 3, 4)	Tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích (kể cả chuyển phát)	Trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích (kể cả phát trả)	Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó	
									Trước hạn	Đúng hạn	Trễ hạn			Trong hạn	Quá hạn
Có xin lỗi	Không xin lỗi														
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
14	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định	2373	2042	331	1143	0	10	1990	1973	5	12	0	383	368	15
15	Sở Tư pháp tỉnh Bình Định	2877	2216	661	1899	384	421	2330	2258	42	30	0	547	547	0
16	Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Bình Định	74	68	6	65	0	50	71	71	0	0	0	3	3	0
17	Sở Xây dựng tỉnh Bình Định	513	410	103	221	0	49	391	391	0	0	0	122	122	0
18	Sở Y tế tỉnh Bình Định	538	385	153	253	76	358	433	428	0	5	0	105	105	0
19	Thanh tra tỉnh	167	154	13	0	167	0	158	0	158	0	0	9	9	0
Σ	Tổng số	17960	15145	2815	7669	630	1014	15472	14256	1025	191	0	2488	2430	58

II. SỐ LƯỢNG HỒ SƠ TTHC ĐƯỢC GIẢI QUYẾT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN, CẤP XÃ)

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết						Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa			
		Tổng số	Trong đó			Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			Tổng số	Đã giải quyết		Đang giải quyết
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính)	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn		Đúng thời hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
A	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh	17960	7669	2815	7476	15472	15281	191	2488	2430	58	17960	15281	191	2488
B	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	15998	337	936	14725	11911	10789	1122	4087	2466	1621	15998	10789	1122	4087
1	UBND Thành phố Quy Nhơn	8031	14	151	7866	6896	6616	280	1135	1073	62	8031	6616	280	1135
2	UBND thị xã An Nhơn	731	0	39	692	603	545	58	128	111	17	731	545	58	128
3	UBND huyện Tây Sơn	378	0	12	366	21	6	15	357	146	211	378	6	15	357
4	UBND huyện An Lão	730	80	150	500	665	620	45	65	64	1	730	620	45	65
5	UBND huyện Vĩnh Thạnh	625	128	19	478	600	595	5	25	25	0	625	595	5	25
6	UBND huyện Vân Canh	311	16	51	244	64	44	20	247	81	166	311	44	20	247
7	UBND huyện Tuy Phước	1548	18	20	1510	947	674	273	601	269	332	1548	674	273	601
8	UBND huyện Phù Mỹ	644	0	140	504	564	423	141	80	64	16	644	423	141	80
9	UBND huyện Phù Cát	1553	48	243	1262	300	193	107	1253	467	786	1553	193	107	1253
10	UBND huyện Hoài Nhơn	738	3	22	713	637	576	61	101	99	2	738	576	61	101
11	UBND huyện Hoài Ân	709	30	89	590	614	497	117	95	67	28	709	497	117	95
C	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	19918	0	430	19488	18786	16848	1938	1132	593	539	19918	16848	1938	1132
Tổng cộng (A+B+C)		53876	8006	4181	41689	46169	42918	3251	7707	5489	2218	53876	42918	3251	7707

Biểu số 06g/VPCP/KSTTBan hành theo Thông tư số
02/2017/TT-VPCP ngày
31/10/2017**NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN ĐỐI VỚI CÁC
TRƯỜNG HỢP TỒN ĐỘNG TRONG GIẢI
QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**Kỳ báo cáo: Quý I năm 2020
(Từ ngày 16/12/2019 đến ngày 15/3/2020)**Đơn vị báo cáo:**

UBND tỉnh Bình Định

Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC)

TỔNG HỢP NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN*Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC*

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết	Số lượng hồ sơ	Nguyên nhân quá hạn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp (cấp tỉnh)	164xd	Do chậm cập nhập thông tin kịp thời trên hệ thống	
2	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	15xd	Do chậm cập nhập thông tin kịp thời trên hệ thống	
3	Lĩnh vực lý lịch tư pháp	30xd	Do chậm cập nhập thông tin kịp thời trên hệ thống	
4	Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	1xd	Do chậm cập nhập thông tin kịp thời trên hệ thống	
5	Lĩnh vực thủy sản	10xd	Do chậm cập nhập thông tin kịp thời trên hệ thống	
6	Lĩnh vực Quản lý nhà nước về tôn giáo	1xd	Do chậm cập nhập thông tin kịp thời trên hệ thống	
7	Lĩnh vực đất đai	2272xd	Do cơ quan Thuế xác định nghĩa vụ tài chính chậm thời gian so với quy định, Người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính chậm; chậm bổ sung giấy tờ theo yêu cầu của cơ quan Thuế, công tác phối hợp chưa tốt, tham mưu chậm,...	
8	Lĩnh vực Khoáng sản	1xa1	Do quy định tại VBQPPL chưa rõ ràng; mâu thuẫn với nhau	
9	Lĩnh vực Môi trường	16xd	Do công tác phối hợp chưa tốt, chưa cập nhật kịp thời trên hệ thống phần mềm điện tử ...	

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết	Số lượng hồ sơ	Nguyên nhân quá hạn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
10	Lĩnh vực người có công	30xd	Do công tác tham mưu chậm, chưa cập nhật kịp thời trên hệ thống phần mềm điện tử ...	
11	Lĩnh vực Tín ngưỡng, tôn giáo	9xd	Do công tác tham mưu chậm, chưa cập nhật kịp thời trên hệ thống phần mềm điện tử ...	
12	Lĩnh vực chứng thực	1127xd	Do công tác tham mưu chậm, chưa cập nhật kịp thời trên hệ thống phần mềm điện tử ...	
13	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh	109xd	Do công tác tham mưu chậm, chưa cập nhật kịp thời trên hệ thống phần mềm điện tử ...	
14	Lĩnh vực Bảo Trợ Xã Hội	542xd	Do công tác tham mưu chậm, chưa cập nhật kịp thời trên hệ thống phần mềm điện tử ...	
15	Lĩnh vực Thi đua khen thưởng	29xd	Do công tác tham mưu chậm, chưa cập nhật kịp thời trên hệ thống phần mềm điện tử ...	
16	Lĩnh vực Hộ tịch	931xd	Do công tác tham mưu chậm, chưa cập nhật kịp thời trên hệ thống phần mềm điện tử ...	
17	Lĩnh vực Dân số	8xd	Do công tác tham mưu chậm, chưa cập nhật kịp thời trên hệ thống phần mềm điện tử ...	
18	Lĩnh vực Trẻ em	4xd	Do công tác tham mưu chậm, chưa cập nhật kịp thời trên hệ thống phần mềm điện tử ...	
19	Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng	11xd	Do công tác tham mưu chậm, chưa cập nhật kịp thời trên hệ thống phần mềm điện tử ...	
20	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật	5xd	Do công tác tham mưu chậm, chưa cập nhật kịp thời trên hệ thống phần mềm điện tử ...	

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết	Số lượng hồ sơ	Nguyên nhân quá hạn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
21	Lĩnh vực Quản lý hoạt động xây dựng	29xd	Do công tác tham mưu chậm, chưa cập nhật kịp thời trên hệ thống phần mềm điện tử ...	
22	Lĩnh vực Quy hoạch, kiến trúc	41xd	Do công tác tham mưu chậm, chưa cập nhật kịp thời trên hệ thống phần mềm điện tử ...	
23	Lĩnh vực Đăng ký, quản lý cư trú	51xd	Do công tác tham mưu chậm, chưa cập nhật kịp thời trên hệ thống phần mềm điện tử ...	
24	Lĩnh vực Văn hóa cơ sở	9xd	Chưa cập nhật kịp thời trên hệ thống phần mềm điện tử ...	
25	Lĩnh vực Đăng ký giao dịch bảo đảm	9xd	Do công tác tham mưu chậm, chưa cập nhật kịp thời trên hệ thống phần mềm điện tử ...	
26	Lĩnh vực Kinh doanh khí	1xd	Do công tác tham mưu chậm, chưa cập nhật kịp thời trên hệ thống phần mềm điện tử ...	
27	Lĩnh vực Trồng Trọt	1xd	Do công tác tham mưu chậm, chưa cập nhật kịp thời trên hệ thống phần mềm điện tử ...	
28	Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội	2xd	Chưa cập nhật kịp thời trên hệ thống phần mềm điện tử ...	
29	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	2xd	Do công tác tham mưu chậm, chưa cập nhật kịp thời trên hệ thống phần mềm điện tử ...	
30	Lĩnh vực Quản lý nhà nước về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện và tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập	1xd	Chưa cập nhật kịp thời trên hệ thống phần mềm điện tử ...	
31	Lĩnh vực khác	8xd	Chưa cập nhật kịp thời trên hệ thống phần mềm điện tử ...	
	Tổng cộng	5469		